

Số: /GPMT-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 17/4/2026 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH tại Văn bản số 1238/TTYT-TCHC ngày 14/5/2026 và Văn bản số 1578/CV-TNH ngày 17/6/2026;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 6932/TTr-SNNMT ngày 17/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH, địa chỉ tại tổ 2, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung về cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 2, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 4601039023, do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 19/3/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/7/2024; Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư số 1050/QĐ-UBND (cấp lần đầu ngày 27/8/2013; điều chỉnh lần thứ 01 ngày 09/10/2013; điều chỉnh lần thứ 02 ngày 25/7/2019; điều chỉnh lần thứ 03 ngày 09/4/2025).

1.4. Mã số thuế: 4601039023.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở

- Diện tích sử dụng đất: 8.305,6m² (Theo Hợp đồng số 162/HĐTĐ ngày 07/9/2023; Số 165/HĐTĐ ngày 18/9/2023).

- Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có tiêu chí tương đương dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

- Quy mô giường bệnh: 450 giường.

- Quy trình khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh nhân → Phòng khám → Điều trị (nội trú hoặc ngoại trú) → Ra viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Bệnh viện TNH có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế, UBND phường Phan Đình Phùng và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Y tế;
- UBND phường Phan Đình Phùng;
- Công ty cổ phần tập đoàn bệnh viện TNH;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD.

Manhpn/6/26_MC

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Gồm 04 nguồn nước thải phát sinh với tổng lưu lượng tối đa 300m³/ngày.đêm, cụ thể:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt tại Bệnh viện.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu giặt là.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà ăn.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hệ thống lọc nước (hệ thống lọc nước giếng khoan; hệ thống lọc nước RO).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Gồm 01 dòng nước thải sau xử lý tại Trạm xử lý nước thải (XLNT) xả ra nguồn tiếp nhận tại 01 cửa xả.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực tổ 2, phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Mương thoát nước chung của khu vực tổ 2, phường Phan Đình Phùng (phía Nam của Bệnh viện).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2388067 (m); Y = 430401 (m) (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰30', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 300m³/ngày.đêm (tương đương 12,5m³/giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau khi xử lý tự chảy theo đường ống D200 dài khoảng 65m dẫn xả vào mương thoát nước chung của khu vực tổ 2, phường Phan Đình Phùng.

- Phương thức xả: Tự chảy, xả mặt.

2.5. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24/24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột A)

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (hệ số K = 1,0) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031 cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 - 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	COD	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
10	Tổng coliform	MPN/100ml	3000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, áp dụng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột A, Bảng 1 với F ≤ 2.000m³/ngày, cột A, Bảng 2), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ theo quy định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 40		
3	COD	mg/l	≤ 65		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤ 40		
5	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	≤ 20		
6	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/l	≤ 8,0		
7	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 3.000		
8	Amoni (N-NH ₄), tính theo N	mg/l	≤ 5,0		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	≤ 5,0		
10	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	≤ 0,2		
11	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	≤ 3,0		
12	Clo dư	mg/l	≤ 1,0		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm XLNT

- Nguồn số 01 (nước thải sinh hoạt):

+ Nước thải xám (nước rửa tay chân, rửa sàn) từ các khu vực vệ sinh được thu gom theo đường ống PVC D110 dẫn về trạm XLNT để xử lý.

+ Nước thải đen từ các khu nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ qua 08 bể tự hoại với tổng dung tích 293m^3 , sau đó đầu nối vào tuyến đường ống PVC D150 dẫn về trạm XLNT để xử lý.

- Nguồn số 02 (nước thải từ khu giặt là) được thu gom theo đường ống PVC D150 dẫn về trạm XLNT để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải từ nhà bếp thu gom về bể tách mỡ dung tích 9m^3 sau đó theo đường ống D150 về xử lý tại trạm XLNT.

- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ hệ thống lọc nước cấp của Bệnh viện được thu gom theo đường ống D110 thoát nước về trạm XLNT.

Tổng chiều dài hệ thống đường ống D110, D150 trong các toà nhà khoảng 300m về trạm XLNT tập trung để xử lý theo đường ống trên mặt bằng D200 với tổng chiều dài 200m, trên tuyến bố trí 5 hố ga lắng cặn. Nước thải sau khi xử lý theo rãnh thoát nước BTCT D200, dài 65m, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý sơ bộ: Gồm 08 bể tự hoại với tổng dung tích 293m^3 (Tòa nhà 10 tầng: 04 bể, dung tích $30\text{m}^3/\text{bể}$, 01 bể 15m^3 ; Tòa nhà 11 tầng: 01 bể tự hoại dung tích 50m^3 , 01 bể 8m^3 , 01 bể 100m^3).

- Trạm XLNT tập trung: Đã xây dựng 01 trạm XLNT công suất $300\text{m}^3/\text{ngày}$, xử lý bằng công nghệ xử lý AO kết hợp MBBR đã được xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và được cải tạo, sửa chữa để XLNT của Bệnh viện đạt Quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT (cột A); QCVN 40:2025/BTNMT (cột A).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý qua các bể tự hoại, nước thải từ khu bếp ăn sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, nước thải từ khu giặt là, nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh được xử lý sơ bộ qua bể tách rác, nước thải từ hệ thống lọc RO → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể bơm tuần hoàn → Bể lọc → Bể bơm bùn → Bể khử trùng → Ống BTCT D200 → BTCT D200 → Mương thoát nước chung của khu vực chạy qua bệnh viện (phía Nam của Bệnh viện). Bố trí 01 bể chứa bùn, bùn thải định kỳ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Máy móc, thiết bị gồm: 02 bơm nước thải tại bể điều hoà lưu lượng $12\text{m}^3/\text{giờ}/\text{bơm}$, (công suất điện $0,75\text{ kW}/\text{bơm}$); 02 bơm tuần hoàn công suất $12\text{m}^3/\text{giờ}/\text{bơm}$ (công suất điện $0,75\text{ kW}/\text{bơm}$); 02 bơm bùn, rửa lọc công suất $12\text{m}^3/\text{giờ}/\text{bơm}$ (công suất điện $0,75\text{ kW}/\text{bơm}$); 02 bơm xả thải công suất $12\text{m}^3/\text{giờ}/\text{bơm}$ (công suất điện $0,75\text{ kW}/\text{bơm}$); 02 máy thổi khí lưu lượng $9,69\text{m}^3/\text{phút}/\text{máy}$ (công suất điện $12\text{ kW}/\text{máy}$). Các thiết bị đều được bố trí hoạt động luân phiên, có dự phòng.

+ Hóa chất sử dụng: Chlorine khoảng $3\text{kg}/\text{ngày}$; Na_2CO_3 (99%) khoảng $30\text{ kg}/\text{ngày}$; Methanol (99%) khoảng $24\text{ kg}/\text{ngày}$.

+ Thiết bị xử lý mùi từ trạm XLNT: 01 Quạt hút mùi lưu lượng $1500\text{m}^3/\text{giờ}$, công suất $0,75\text{kW}$, điện áp 220V và 01 tháp xử lý khí mùi bằng than hoạt tính (kích thước: đường kính 900mm x chiều cao 2080mm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số $05/2025/\text{NĐ-CP}$ ngày $06/01/2025$ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 97 Nghị định số $08/2022/\text{NĐ-CP}$ ngày $10/01/2022$ của Chính phủ và mục 3 Phụ lục XXVIII Phụ lục kèm theo Nghị định số $08/2022/\text{NĐ-CP}$ của Chính phủ.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Nguy cơ sự cố

Sự cố trạm XLNT chủ yếu là sự cố thiết bị, sự cố rò rỉ, tắc đường ống thu gom nước thải, sự cố chết vi sinh, sự cố quá tải, non tải,...

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa

- Đối với sự cố hỏng thiết bị trạm XLNT: Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị; bố trí máy móc hoạt động luân phiên, dự phòng; thường xuyên theo dõi hoạt động của máy móc, thiết bị để kịp thời phòng ngừa, phát hiện, sửa chữa sự cố hỏng hóc; tập huấn cho công nhân vận hành về việc phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống thu gom nước thải kịp thời phát hiện các nguy cơ sự cố rò rỉ, tắc đường ống để khắc phục, xử lý.

- Sự cố chết vi sinh tại bể hiếu khí: Khi vi sinh chết sẽ gây ra hiện tượng tràn bọt trên bề mặt bể hiếu khí, để phòng ngừa hiện tượng nêu trên cần vận hành thường xuyên hệ thống cấp khí và kiểm soát các nguồn nước đầu vào bể vi sinh không bị sốc.

- Đối với sự cố quá tải: Trạm XLNT được thiết kế với hệ số an toàn $>1,2$ để phòng ngừa việc quá tải.

- Đối với sự cố non tải: Tại tủ điều khiển, các cụm máy thổi khí, máy bơm chìm bể điều hòa, bơm tuần hoàn đều có thể cài đặt chạy gián đoạn, ngắt quãng bởi bộ điều khiển thời gian chạy. Cụm bơm bể điều hòa, thời gian chạy liên tục 20 tiếng/ ngày, căn cứ vào lưu lượng đo thực tế trên đồng hồ báo mức, lưu lượng nước qua hệ thống hiện đang cài đặt lưu lượng 7,5-8m³/h. Tại bể hiếu khí oxy đảm bảo được cấp liên tục 24h. Do nước thải đầu vào ít, thực hiện cài đặt chế độ chạy của máy thổi khí được điều khiển tốc độ động cơ bằng hệ thống biến tần, tăng - giảm điều chỉnh lưu lượng khí phù hợp. Mục đích là cấp ôxy vừa đủ cho bể (tầm 2 - 3,0mg/l).

1.4.3. Biện pháp ứng phó sự cố

- Đối với sự cố hỏng thiết bị trạm XLNT: Vận hành luân phiên máy móc, thiết bị của trạm XLNT; kịp thời sửa chữa, thay thế các thiết bị bị sự cố, hư hỏng, đảm bảo luôn có thiết bị dự phòng, hoạt động luân phiên.

- Đối với sự cố tắc, rò rỉ đường ống: Thực hiện thông tắc các đoạn đường ống bị tắc đảm bảo nước thải được dẫn về trạm XLNT; thay thế ngay các đoạn đường ống bị rò rỉ để đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh về trạm XLNT.

- Sự cố chết vi sinh tại bể hiếu khí: Để khắc phục sự cố sẽ bổ sung vi sinh và dinh dưỡng để khôi phục hoạt động của hệ vi sinh.

- Đối với sự cố non tải: Lưu chứa nước thải tại bể gom, điều hoà, ngưng vận hành một số ngăn trong cụm các bể xử lý sinh học, đồng thời bổ sung dinh dưỡng cho vi sinh duy trì hoạt động ổn định khi xảy ra sự cố non tải.

- Đối với sự cố quá tải: Khi xảy ra sự cố sẽ khoá van xả nước thải, nước thải sẽ được lưu chứa trong các bể của trạm XLNT với tổng dung tích khoảng 275m³ (thời gian lưu khoảng 1 ngày) để phục vụ cho công tác sửa chữa hệ thống; trường hợp sự cố kéo dài, các bể không đảm bảo khả năng lưu chứa sẽ thuê đơn vị chức năng hút vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm nước thải: Trong thời hạn 06 tháng.

- Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm XLNT công suất 300m³/ngày đêm.

+ Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí nước thải đầu vào và 01 vị trí nước thải đầu ra tại trạm XLNT 300m³/ngày đêm.

+ Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án thực hiện quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm XLNT theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại 3.1.2. nêu trên.

- Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm trạm XLNT theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định trạm XLNT (01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu nước thải đầu ra).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường. Tuyệt đối không được đấu nối, xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa; tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường.

3.2. Điểm xả nước thải phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành trạm XLNT; ghi chép, lưu giữ đầy đủ số liệu, dữ liệu theo quy định.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu, hóa chất để vận hành thường xuyên, liên tục đảm bảo hiệu quả xử lý của trạm XLNT.

3.5. Duy trì biện pháp giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ trạm XLNT, định kỳ thay than hoạt tính đảm bảo hiệu quả hoạt động của thiết bị xử lý mùi hôi, không để ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực trạm XLNT.

3.6. Tự theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của trạm XLNT, kiểm soát được các thông số ô nhiễm môi trường trong nước thải. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này. Trường hợp phát hiện các thông số ô nhiễm vượt quá giới hạn cho phép phải dừng ngay việc xả nước thải và thực hiện ngay các biện pháp khắc phục để xử lý triệt để ô nhiễm. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường tại khu vực.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Gồm 02 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

- Nguồn số 01: Từ máy phát điện dự phòng.

- Nguồn số 02: Từ máy sục khí của trạm XLNT.

2. Tiếng ồn, độ rung: Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

2.1. Tiếng ồn

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00' đến trước 18h00')	Tối (18h00' đến trước 22h00')	Đêm (22h00' đến trước 06h00')
Khu vực A	50	45	40

2.2. Độ rung

Khu vực bị ảnh hưởng	Khoảng thời gian	
	Ngày (06h00' đến trước 22h00')	Đêm (22h00' đến trước 06h00')
Khu vực A	60	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (Chất thải sắc nhọn; Chất thải không sắc nhọn; Chất thải y tế lây nhiễm; Chất thải giải phẫu)	Rắn	13 01 01	26.310
2	Chất hàn răng thải	Rắn	13 01 04	290
3	Than hoạt tính	Rắn	12 01 04	300
4	Hoá chất thải có chứa thành phần nguy hại (Chất thải xét nghiệm)	Rắn	13 01 02	1.960
	Tổng			28.860

1.2. Khối lượng chất thải rắn y tế thông thường

Phát sinh khoảng 8kg/ngày thành phần chủ yếu là vỏ bao bì các loại thuốc, vỏ chai lọ không chứa thành phần nguy hại, các loại dây truyền không dính máu,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt

Phát sinh khoảng 1,5 tấn/ngày, thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, các loại chai lọ, đồ hộp, túi nilon,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn y tế thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho lưu chứa

+ 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 14m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được thiết kế quây tôn, sàn bê tông, dán nhãn cảnh báo và trang bị các thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy, có gắn dấu hiệu cảnh báo theo quy định... theo quy định.

+ Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa có nắp đậy, có gắn dấu hiệu cảnh báo, mã chất thải nguy hại, kí hiệu và tên từng loại chất thải nguy hại.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định với tần suất tối thiểu 1 năm/lần.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường

- 01 kho chứa diện tích 10m².

- Trang bị các thùng chứa có nắp đậy, lưu chứa tạm thời các loại chất thải rắn y tế thông thường.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- 01 kho chứa diện tích 6,1m².

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực phát sinh; lưu chứa tạm thời.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng hằng ngày thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng đề bơm hút, vận chuyển bùn từ các bể tự hoại, bùn từ bể chứa bùn của trạm XLNT để xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Xây dựng và ban hành kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố chất thải theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải, Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố chất thải được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; thực hiện công khai kế hoạch ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy; lắp đặt đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện, dụng cụ phòng cháy và chữa cháy theo quy định.

4. Tuân thủ quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

5. Chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường sau khi xảy ra sự cố (nếu có); chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra (nếu có).

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện công khai Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNM ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Định kỳ chuyển giao các loại chất thải được phân loại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của chủ đầu tư quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thực hiện, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

6. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, nhất là hệ thống phòng ngừa, ứng phó sự cố trajm XLNT; chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.